

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5432 /TCT-CS
V/v thuế GTGT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 6075/CT-TTr1 ngày 09/8/2018 của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về chính sách thuế GTGT. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu

Căn cứ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016) quy định về hoàn thuế GTGT;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ) quy định về hoàn thuế GTGT;

Căn cứ quy định trên, trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trước ngày 01/7/2016 thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018 thì thuộc đối tượng không được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ ngày 01/2/2018 sau đó xuất khẩu từ ngày 01/02/2018 mà hàng hóa xuất khẩu đó thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

Đề nghị Cục Thuế căn cứ quy định trên và tình hình thực tế tại Công ty để xử lý việc hoàn thuế GTGT theo quy định.

2. Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế quy định đối tượng không chịu thuế;

Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế quy định đối tượng không chịu thuế;

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế quy định thuế suất 0%;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế hướng dẫn đối tượng không chịu thuế;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế hướng dẫn thuế suất 0%;

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế;

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính).

Căn cứ các quy định trên, từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/2/2018, trường hợp Công ty mua Xi sắt thu được từ công nghiệp luyện sắt, thép Việt Nam sau đó xuất khẩu thì thuộc đối tượng xác định tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm theo quy định tại Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 01/2/2018, thực hiện theo quy định tại Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Cục Thuế căn cứ các quy định trên, thực tế quy trình sản xuất sản phẩm Xi sắt và liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành để xác định và hướng dẫn Công ty thực hiện.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh được biết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC – TCT;
- Website – TCT;
- Lưu: VT, CS (3).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH



Lưu Đức Huy